

Bản án số: 82/2020/HS-ST  
Ngày: 18-5-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Nguyễn Thanh Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Văn Nô;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Ngọc Ái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLST-HS, ngày 10 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37 ngày 08 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Ngọc T1**, sinh năm 1989 tại TH; nơi cư trú: xóm 2, xã Minh Châu, huyện Thiệu S, tỉnh TH; nơi tạm trú: khu phố 2, phường HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề ngH: không; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc Đông và bà Vũ Thị Thủy; con Trịnh Ngọc Đ, sinh năm 2011; tiền sự: không; tiền án: Ngày 25-11-2015, bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu S, tỉnh TH xử phạt 40 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22-3-2018; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-8-2019 đến nay; có mặt.

2. **Nguyễn Đại H**, sinh năm 1995 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố 2, phường HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề ngH: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Chí Hòa và bà Nguyễn Thị Thúy Hồng; tiền sự: không; tiền án:

Ngày 05-7-2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05-10-2014; Ngày 12-12-2017, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04-8-2018; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-8-2019 đến nay; có mặt.

3. **Nguyễn Tấn Đ**, sinh năm 1992 tại Bình Dương; nơi cư trú: ấp Đồng Sặc, xã Bình Mỹ, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương; nghề ngH: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tiến và bà Nguyễn Thị Bông; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14-11-2019 đến nay; có mặt.

4. **Nguyễn Thị Yến N**, sinh năm 1996 tại Đồng Tháp; nơi thường trú: ấp Cà Dâm, xã Tân Công Sính, huyện TN, tỉnh Đ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nữ; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Hữu và bà Nguyễn Thị Hột, bị cáo có 01 (một) con tên Nguyễn Gia Bảo, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-8-2019 đến nay; có mặt.

5. **Mai Thị Thu Hương**, sinh năm 1989 tại thành phố H; nơi thường trú: số B3/11, khu phố 1, phường Bình An, Quận 2, Thành phố H; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Tuấn D và bà Nguyễn Thị M; Con Mai Ngọc P, sinh năm 2009 và Mai Hoàng P, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28-8-2019 đến nay; có mặt.

6. **Phạm Ngọc S**, sinh năm 1997 tại Hậu Giang; nơi thường trú: ấp Mỹ Lợi, thị trấn Cây Dương, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang; nghề ngH: không; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Quang và bà Nguru Thị Đại; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28-8-2019 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ*: Ông Trần Minh H1 - Luật sư – Văn phòng luật sư Gia Đình thuộc Đoàn luật sư T1 phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố 2, phường HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 20 giờ 00 phút ngày 17-8-2019, sau khi uống bia tại quán Quang Thắng thuộc phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Yến N và Mai Thị Thu Hương nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng.

Sau đó, Đ hỏi N biết chỗ mua ma túy không, N nói không biết nên Đ hỏi Hương thì Hương nói Nguyễn Đại H biết chỗ mua, nhưng hiện tại Hương hết tiền nên Hương hỏi mượn tiền Đ, Đ nói để tính sau và nói chỗ đâu mà chơi. N nghe vậy, nói về ngã ba vườn cao su đường Lâm Viên để chơi thì Hương và Đ đồng ý. Sau đó, Đ cùng N, Hương đi về rủ thêm H và S cùng đi đến ngã ba vườn cao su đường Lâm Viên thuộc ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã T để tiếp tục uống bia. Khoảng 20 phút sau thì Đ đến cùng ngồi uống bia với N, H, Hương và S. Trong lúc uống bia, Đ tiếp tục kêu N tìm ma túy về sử dụng nhưng N không biết chỗ mua nên Đ hỏi H biết chỗ không, H nói biết nhưng không có tiền, Đ nói mỗi người hùn 150.000 đồng thì tất cả đồng ý. Do không có tiền nên S mượn tiền của N, còn H và Hương hỏi mượn tiền của Đ, Đ hứa cho H và Hương mỗi người mượn 150.000 đồng cuối tháng có tiền trả lại nhưng Đ để quên bóp ở tiệm Spa của chị Khanh (không rõ nhân thân) ở xã (nay là phường) HG nên Đ sẽ chạy lên lấy về cho mượn thì H và Hương đồng ý. Sau đó, Đ điều khiển xe mô tô 61E1 – 273.87 đi đến tiệm Spa của bà Khanh còn H sử dụng điện thoại của mình số 0397110598 gọi vào số điện thoại 0339266881 của Trịnh Ngọc T1 hỏi mua 700.000 đồng ma túy đá, T1 nghe máy và đồng ý bán ma túy cho H, H hẹn T1 giao ma túy tại đường Lâm Viên thuộc ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì T1 đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, H sử dụng xe đạp điện chở Hương đi lấy 01 nỏ thủy tinh để sử dụng ma túy, còn T1 sử dụng điện thoại của mình nhắn tin bằng zalo (không nhớ tên Zalo) cho đối tượng tên Sóc Nâu (không rõ nhân thân) là bạn của T1 hỏi mua 600.000 đồng ma túy đá thì Sóc Nâu đồng ý. Sau khi nhắn tin cho Sóc Nâu xong, T1 điều khiển xe mô tô biển số 68G1-386.65 đi từ phòng trọ của T1 tại ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương đến khu vực bến phà Bà Miêu thuộc xã Thường Tân, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương gặp Sóc Nâu lấy ma túy, khi gặp T1 đưa cho Sóc Nâu 600.000 đồng và được Sóc Nâu giao cho 01 bịch nylon chứa ma túy bên trong, T1 nhận lấy bịch ma túy rồi điều khiển xe 68G1-386.65 đi đến vị trí đã hẹn để gặp H. Khoảng 23 giờ 40 phút cùng ngày, T1 đi đến cách vị trí H đang ngồi uống bia khoảng 30 mét đứng chờ, H thấy T1 đến nên nói với N người ta đem ma túy đến nhưng không có tiền làm sao, nghe vậy N nói để N cho mượn tiền trước rồi lát trả lại sau thì H, Hương đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe đạp điện của H đi đến vị trí T1 đứng để lấy ma túy, khi đến N nói là bạn của H nên T1 đưa 01 bịch nylon chứa ma túy bên trong cho N, N đưa cho T1 700.000 đồng nhưng T1 lấy 650.000 đồng, giảm cho H 50.000 đồng. Sau khi giao nhận xong ma túy thì T1 điều khiển xe đi về phòng trọ của mình, còn N cầm ma túy quay lại vị trí H, Hương và S đang ngồi để tiếp tục uống bia và sử dụng ma túy. Khi mua được ma túy thì N lấy điện thoại của H gọi cho Đ, kêu Đ quay về để uống bia và sử dụng ma túy thì Đ đồng ý. Sau đó, N lấy một ít ma túy từ số ma túy mua được bỏ vào nỏ và đưa nỏ cho H để H đốt lên cho tất cả cùng sử dụng, số ma túy còn lại thì N cất giấu ở trong người. Cùng lúc này thì Đ quay về đến nơi và cùng vào ngồi uống bia và sử dụng ma túy với H, Hương, S, N.

Đến khoảng 02 giờ ngày 18-8-2019, trong lúc H, Hương, N, S và Đ đang uống bia và sử dụng ma túy thì lực lượng công an phường HG đi tuần tra trên

đoạn đường Lâm Viên, thấy lực lượng công an đi gần đến vị trí mình ngồi nên N liền lấy gói bạch ma túy đang cất giấu trong người ném xuống đất gần chỗ N ngồi. Khi N ném bạch ma túy thì Công an phường HG phát hiện nên hỏi N vừa ném vật gì xuống đất, N khai nhận vừa ném 01 bạch ma túy do N, H, Hương, S và Đ góp tiền mua về để sử dụng và nộp lên giao nộp cho Công an phường HG. Công an xã HG tiến hành niêm phong bạch nylon chứa ma túy mà N giao nộp và đưa N, H, Hương, S, Đ về trụ sở Công an phường HG lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng, đồ vật liên quan đến vụ án gồm:

- 01 bạch nylon hàn kín miệng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng được dính vào miếng băng keo màu vàng (đã được niêm phong); 01 xe đạp điện màu đen; 01 chứng minh nhân dân tên Phạm Ngọc S; 01 điện thoại Nokia, màu xanh; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 hộp quẹt màu trắng có in hình hoa văn; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu tím.

Trên cơ sở lời khai của H, Công an phường HG đã đến phòng trọ của T1 tại ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương để mời T1 lên trụ sở Công an xã (nay là phường) HG làm việc và thu giữ của T1 01 xe mô tô biển số 68G1 – 386.65. Quá trình làm việc, T1 khai nhận hành vi đã bán ma túy cho H cụ thể như sau: Vào ngày 16/8/2019 T1 đã bán ma túy cho H được 01 lần, với số tiền 200.000 đồng, đến đêm ngày 17/8/2019 T1 tiếp tục bán ma túy cho H với số tiền 650.000 đồng.

Sau khi lập hồ sơ ban đầu, Công an xã HG tiến hành bàn giao Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Đại H, Trịnh Ngọc T1, Phạm Ngọc S, Mai Thị Thu Hương, Nguyễn Tấn Đ cùng hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận giám định số 632/MT-PC09 ngày 26/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1373 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Xe mô tô 68G1 – 386.65. Quá trình điều tra T1 khai xe 68G1 – 386.65 do T1 mượn của một người bạn tên Linh (không rõ nhân thân), Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh làm rõ nhân thân lai lịch của Linh nhưng không xác định được Linh là ai, làm gì và ở đâu. Tra cứu xác định xe 68G1 – 386.65 do bà Võ Thị Diễm (Sinh năm 1956, HKTT: ấp Sáu Sg, xã Ngọc T1, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang) đứng tên chủ sở hữu, hiện nay bà Diễm đi đâu làm gì không rõ. Xe 68G1 – 386.65 không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, Cơ quan điều tra đã tiến hành thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn không có kết quả.

Đối với 01 xe đạp điện màu đen thu giữ của Nguyễn Đại H. Quá trình điều tra xác định xe đạp điện trên thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Thúy Hồng (sinh năm 1974, HKTT: ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương) là mẹ của Nguyễn Đại H, bà Hồng cho H mượn xe để làm phương tiện đi lại và không biết việc H cùng đồng phạm sử dụng xe để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Đối với xe mô tô 61E1 – 273.87. Quá trình điều tra xác định: xe thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Mộng Thu (sinh năm 1987, HKTT: ấp Đồng Sặc, xã Bình Mỹ, huyện Bắc T, tỉnh Bình Dương) là chị của Đ. Việc Đ sử dụng xe 61E1

– 273.87 để đi đến cùng đồng phạm sử dụng ma túy thì bà Thu không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T không tiến hành thu giữ.

Đối với điện thoại di động mà Trịnh Ngọc T1 sử dụng để liên lạc mua bán ma túy, Trịnh Ngọc T1 khai đã mất nên cơ quan điều tra đã tiến hành hoạt động truy tìm, thu giữ nhưng không có kết quả.

Quá trình điều tra các bị cáo T1, H, Đ, N, Hương, S thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số 39/CT-VKSTU ngày 07-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trịnh Ngọc T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Đại H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị Yến N, Mai Thị Thu Hương, Phạm Ngọc S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Trịnh Ngọc T1, Nguyễn Đại H Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị Yến N, Mai Thị Thu Hương, Phạm Ngọc S.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

- Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc T1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” với mức hình phạt từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù.

- Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đại H về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với mức hình phạt từ 05 (Năm) tù đến 06 (Sáu) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Tấn Đ về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với mức hình phạt từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Bị cáo Nguyễn Thị Yến N về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với mức hình phạt từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

+ Bị cáo Mai Thị Thu Hương về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” với mức hình phạt từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

+ Bị cáo Phạm Ngọc S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” với mức hình phạt từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Đối với xe mô tô 68G1 – 386.65 là phương tiện phạm tội, không xác định được chủ sở hữu, vì vậy tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe đạp điện màu đen của Nguyễn Thị Thúy Hồng, bà Hồng không biết việc bị cáo H sử dụng xe đi mua ma túy nên hoàn trả lại cho bà Hồng.

- Đối với 0,0625 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy và 01 hột quẹt màu trắng có hoa văn là vật chứng trong vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc S là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với điện thoại OPPO màu tím của bị cáo Nguyễn Tuấn Đ là tài sản cá nhân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh của bị cáo Nguyễn Đại H là phương tiện phạm tội vì vậy tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T1 nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 850.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ trình bày: Lời của các bị cáo có trong hồ sơ có Nều mâu thuẫn với nhau giữa lời khai ban đầu và lời khai trong quá trình điều tra. Tại lời khai ban đầu các bị cáo điều xác nhận là do bị cáo H rủ các bị cáo còn lại sử dụng ma túy không phải bị cáo Đ. Trên thực tế bị cáo Đ chỉ hứa đưa tiền cho bị cáo Hương và bị cáo H. Tại bản kết luận điều tra của Công an có ghi nhận bị cáo N khai là do H rủ chơi ma túy. Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang không có bị cáo Đ và cơ quan điều tra cũng không tiến hành xét nghiệm ma túy đối với bị cáo Đ là vi phạm thủ tục tố tụng. Ngoài ra, bị cáo Đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự vì các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo T1 khẩn khai báo.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo Trịnh Ngọc T1: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo có thể tái hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo Nguyễn Đại H: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo có thể tái hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo Nguyễn Tấn Đ: Bị cáo đã biết sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Yến N: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo có thể sớm về nhà chăm sóc con.

Bị cáo Mai Thị Thu Hương: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo có thể sớm về nhà chăm sóc con.

Bị cáo Phạm Ngọc S: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo có thể tái hòa nhập cộng đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng Đ giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Mặt khác, người này đã có lời khai trong quá trình điều tra. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trịnh Ngọc T1, Nguyễn Đại H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị Yến N, Mai Thị Thu Hương, Phạm Ngọc S khai nhận: Các bị cáo Trịnh Ngọc T1, Nguyễn Đại H; Nguyễn Tấn Đ; Nguyễn Thị Yến N; Mai Thị Thu Hương; Phạm Ngọc S là đối tượng nghiện ma túy.

Ngày 17-8-2019, tại ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương, Trịnh Ngọc T1 có hành vi bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,1373 gam cho Nguyễn Đại H, thu lợi 650.000 đồng. Ngoài ra trước đó, T1 đã bán ma túy cho H được 01 lần vào ngày 16/8/2019 với số tiền là 200.000 đồng.

Ngày 18-8-2019, tại ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HG, thị xã

T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Thị Yến N, Nguyễn Đại H, Mai Thị Thu Hương, Phạm Ngọc S có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1373 gam với mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tấn Đ thừa nhận các bị cáo đã thỏa thuận mỗi người sẽ góp 150.000 đồng để mua ma túy để sử dụng, nhưng do bị cáo Hương và bị cáo H không có tiền nên bị cáo Đ cho bị cáo Hương và bị cáo H mỗi người mượn 150.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định bị cáo Đ là đồng phạm trong vụ án.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy hai lần cho bị cáo bị cáo Nguyễn Đại H của bị cáo Trịnh Ngọc T1 có tổng khối lượng là 0,1373 gam ma túy, loại Methamphetamine đủ yếu tố cấu T1 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi tàng trữ trái phép 0,1373 gam ma túy ma túy, loại Methamphetamine của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ; Nguyễn Thị Yến N; Mai Thị Thu Hương; Phạm Ngọc S đủ yếu tố cấu T1 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Đại H, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 05-10-2014; Ngày 12-12-2017, bị Tòa án nhân dân thị xã T xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 04-8-2018 chưa được xóa án tích. Căn cứ theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự bị cáo Nguyễn Đại H tái phạm nguy hiểm và đủ yếu tố cấu T1 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét về tính chất vụ án:

Methamphetamine là một trong những chất được xác định là ma túy, có tác hại lớn đối với sức khỏe người sử dụng, làm cho người nghiện bị giảm sút tinh thần và khi lên cơn nghiện dễ có hành vi phạm tội. Ma túy từ lâu đã là kẻ thù của nhân loại, là gánh nặng cho cộng đồng xã hội. Mọi hành vi “Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy” đều được xem là hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần bị xử lý kịp thời và nghiêm minh.



Các bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là người trưởng T1, có đầy đủ sức khỏe để lao động nuôi sống bản thân và trở T1 người có ích cho xã hội; các bị cáo đủ khả năng nhận thức được việc sử dụng, mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lười biếng lao động, háms lợi và để thỏa mãn nhu cầu của bản thân mà các bị cáo dấn thân vào con đường phạm tội trong khi các bị cáo biết rõ hành vi mua bán, tàng trữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật sẽ bị pháp luật trừng trị.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng trách Nệm hình sự, giảm nhẹ trách Nệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng:

- Các bị cáo N, Hương, S, Đ không có tình tiết tăng nặng.

- Đối với bị cáo Trịnh Ngọc T1 ngày 25-11-2015, bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 40 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 22-3-2018 chưa được xóa án tích. Bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo T1, H, N, Hương, S T1 khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Tấn Đ có ông nội tên Nguyễn Văn Thi là liệt sĩ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Lời bào chữa của vị luật sư cho bị cáo Đ là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Xét mức hình phạt do vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Đối với xe mô tô 68G1 – 386.65 là phương tiện phạm tội vì vậ tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe đạp điện màu đen của bà Nguyễn Thị Thúy Hồng, bà Hồng không biết việc bị cáo H sử dụng xe đi mua ma túy nên hoàn trả lại cho bà Hồng.

- Đối với 0,0625 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy là vật chứng trong vụ án không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc S là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với điện thoại OPPO màu màu tím là tài sản cá nhân của bị cáo Nguyễn Tấn Đ nên hoàn trả lại cho bị cáo Đ.

- Đối với 01 điện thoại Nokia màu xanh của bị cáo Nguyễn Đại H là là phương tiện phạm tội vì vậy tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 850.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Tuyên bố:**

- Bị cáo Trịnh Ngọc T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Bị cáo Nguyễn Đại H; Nguyễn Tấn Đ; Nguyễn Thị Yến N; Mai Thị Thu Hương; Phạm Ngọc S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

#### **2. Về hình phạt:**

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc T1 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-8-2019.

- Căn cứ điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đại H 05 (Năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-8-2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14-11-2019.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Yến N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18-8-2019.

Xử phạt bị cáo Mai Thị Thu Hương 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-8-2019.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc S 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28-8-2019.

3. Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Buộc bị cáo Trịnh Ngọc T1 nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 850.000 đồng;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bì thư niêm phong ký hiệu 632/PC09, có chữ ký người bị bắt Nguyễn Thị Yến N, người chứng kiến Đỗ Tấn Sang, Nguyễn Đại H, cán bộ niêm phong Đặng Hoài Thanh, ông Phạm Quốc Hưng – Phó Công an phường và dấu đỏ của Công an phường HG, thị xã T, tỉnh Bình Dương, bên trong chứa 0.0625 gam Methamphetamine theo Kết luận giám định số 632/MT-PC09 ngày 26-8-2019 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương;

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thúy Hồng 01 (một) xe đạp điện màu đen;

- Hoàn trả Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc S cho bị cáo Phạm Ngọc S.

- Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Nokia 105 màu xanh, số imei 354257/06/693325/8, không kiểm tra máy bên trong;

- Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Tấn Đ 01 (một) điện thoại OPPO màu màu tím, không mở được nguồn, không kiểm tra được số imei và bên trong máy;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) bộ dụng cụ ma túy tự chế;

- Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) hộp bật lửa màu trắng có in hoa văn;

- Tịch thu, sung vào Ngân sách nhà nước 01 (một) xe mô tô biển số 68G1-386.65 (Wave TQ) màu đỏ, số máy HC08E0323107, số khung: RLHHC0812Y323069, xe không bửng, không kính chiếu hậu, không hộp xích, không kiểm tra máy móc bên trong;

*(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13-2-2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).*

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Trịnh Ngọc T1; Nguyễn Đại H; Nguyễn Tấn Đ; Nguyễn Thị Yến N; Mai Thị Thu Hương; Phạm Ngọc S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng Đ họp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT,HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Sơn**